

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 44/2021/HNGĐ-ST

Ngày 18-8-2021

“Về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Dương Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Mỹ Nhung, nghề nghiệp: Cán bộ Hội nông dân xã Hòa Tiến.

2. Bà Trịnh Thị Oanh, nghề nghiệp: Nguyên là giáo viên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hải Lý - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Nguyễn - chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 195/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/7/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2021/QĐST-HNGĐ ngày 04/8/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lương Thị Thu T, sinh năm 1999; - *Có mặt*

Nơi cư trú: Thôn N, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Anh Phan Văn T1, sinh năm 1997; - *Vắng mặt*

Đăng ký thường trú: Thôn 4, xã Ea P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lương Thị Thu T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi với anh Phan Văn T1 kết hôn trên cơ sở tình yêu tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 10/01/2018.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian, đến năm 2020 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không

hợp tính tình, không có tiếng nói chung, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau nên xảy ra cãi vã, xô xát. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và không thể hòa giải nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4/2021 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai nữa.

Xét hôn nhân giữa tôi với anh Phan Văn T1 không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên tôi khởi kiện xin được ly hôn với anh Phan Văn T1. Nguyên vọng đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Phan Văn T1.

- *Về con chung*: Giữa tôi với anh Phan Văn T1 có 01 con chung là cháu Phan Lương Ngọc T2, sinh ngày 22-9-2016. Nay ly hôn tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi con chung đủ 18 tuổi. Bản thân tôi làm nghề buôn bán có thu nhập dao động từ 7.000.000đồng đến 8.000.000đồng/tháng nên đủ khả năng nuôi con.

- *Về cấp dưỡng*: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung, về nợ chung*: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không có ý kiến gì thêm.

* *Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án anh Phan Văn T1 trình bày*:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Tôi nhất trí như lời trình bày của chị Lương Thị Thu T. Cụ thể: Tôi với chị Lương Thị Thu T kết hôn trên cơ sở tình yêu tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 10/01/2018.

Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc, chỉ xảy ra mâu thuẫn nhỏ, không đáng kể. Bản thân tôi còn yêu thương vợ con. Tuy nhiên, từ khoảng tháng 4/2021, vợ tôi về sinh sống cùng bố mẹ tại thôn N, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Nay chị Lương Thị Thu T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Lương Thị Thu T với tôi là Phan Văn T1 được ly hôn thì tôi không đồng ý. Đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ cho vợ chồng tôi.

- *Về con chung*: Tôi nhất trí như lời trình bày của chị Lương Thị Thu T là: Giữa tôi với chị Lương Thị Thu T có 01 con chung là Phan Lương Ngọc T2, sinh ngày 22/9/2016. Tôi có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- *Về cấp dưỡng*: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung, về nợ chung*: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không có ý kiến gì thêm.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho nguyên đơn, bị đơn, công khai chứng cứ, hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau tuy nhiên chị T và anh T1 không thống nhất được. Vì vậy, căn cứ vào Điều 203 và Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa:

- *Về tố tụng*: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã tuân thủ đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy

định tại Điều 70, 71 và Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn anh Phan Văn T1 vắng mặt tại phiên tòa là vi phạm Điều 70, 72 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lương Thị Thu T được ly hôn với anh Phan Văn T1.

- Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Phan Lương Ngọc T2, sinh ngày 22-9-2016 cho chị Lương Thị Thu T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi cháu T2 tròn 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lương Thị Thu T không yêu cầu anh Phan Văn T1 phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên không đề cập để giải quyết.

- Về tài sản chung, về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Lương Thị Thu T khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phan Văn T1. Anh Phan Văn T1 có hộ khẩu thường trú tại xã Ea P, huyện K và hiện ở tại Thôn P, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

- Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của chị Lương Thị Thu T, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Tại phiên tòa lần thứ hai, bị đơn anh Phan Văn T1 vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do mặc dù anh T1 đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa.

Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung khởi kiện: Chị Lương Thị Thu T làm đơn xin được ly hôn với anh Phan Văn T1. Hội đồng xét xử thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Qua các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp và việc thu thập chứng cứ tại chính quyền địa phương thể hiện:

Chị Lương Thị Thu T với anh Phan Văn T1 kết hôn trên cơ sở tình yêu tự nguyện, tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 10/01/2018. Vì vậy, xác định hôn nhân giữa chị T và anh T1 là hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Theo lời trình bày của chị T thì quá trình chung sống, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình, không có tiếng nói chung, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau nên xảy ra cãi vã, xô xát. Mâu thuẫn trầm trọng nên vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ tháng 4/2021 cho đến nay. Hiện chị T đã về nhà bố mẹ đẻ của chị ở tại Thôn N, xã E, huyện K để ở. Hai vợ chồng không ai quan tâm đến ai nữa.

Và theo biên bản xác minh tại chính quyền địa phương xã E cung cấp vào ngày 17 tháng 6 năm 2021 (BL 32) thể hiện: “...địa phương thấy vợ chồng anh chị cũng hay xảy ra cãi vã nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là gì thì địa phương không nắm được. Hiện nay chị T đã về nhà bố mẹ đẻ của chị để ở, chị không còn ở tại thôn P, xã E. Riêng anh T1 thì vẫn ở tại đây.”.

Theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, có nghĩa vụ chung sống với nhau.

Như vậy, căn cứ vào tình trạng hôn nhân thực tế giữa chị T với anh T1, Hội đồng xét xử thấy: mâu thuẫn giữa chị T và anh T1 lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu xin ly hôn đối với anh T1 là có căn cứ. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Lương Thị Thu T, cho chị Lương Thị Thu T được ly hôn với anh Phan Văn T1.

- *Về con chung*: Quá trình chung sống, giữa chị Lương Thị Thu T với anh Phan Văn T1 có 01 con chung là cháu Phan Lương Ngọc T2, sinh ngày 22-9-2016, hiện cháu T2 còn nhỏ.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014:

“2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”.

Qua xem xét lời khai, chứng cứ mà chị T cung cấp và biên bản xác minh tại Hội phụ nữ xã E (BL 33) thì: “...về khả năng nuôi con: Hiện nay chị T có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, về phía anh T1 nghề nghiệp không ổn định”.

Hiện nay cháu Phan Lương Ngọc T2, sinh ngày 22-9-2016 đang ở cùng với chị T. Theo lời khai chị T cung cấp: Bản thân chị T làm nghề buôn bán có thu nhập dao động từ 7.000.000đồng đến 8.000.000đồng/tháng nên đủ khả năng nuôi con. Làm việc tại Tòa án, anh T1 không cung cấp được chứng cứ để chứng minh thu nhập của mình. Do đó không ghi nhận được ý kiến của anh T1 về khả năng nuôi con của anh T1.

Vì vậy để đảm bảo quyền lợi của con chung chưa thành niên. Căn cứ vào Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình thì Hội đồng xét xử thấy: giao con chung cháu Phan Lương Ngọc T2, sinh ngày 22-9-2016 cho chị Lương Thị Thu T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng khi ly hôn là phù hợp.

Anh Phan Văn T1 được quyền đi lại, thăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản anh T1 thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con chung các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Theo đơn khởi kiện và quá trình làm việc tại Tòa án, chị Lương Thị Thu T không yêu cầu anh Phan Văn T1 phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập để xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung, về nợ chung:* Theo đơn khởi kiện và quá trình làm việc tại Tòa án, chị Lương Thị Thu T xác định giữa chị và anh Phan Văn T1 không có tài sản chung, không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập để xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Lương Thị Thu T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tại phiên tòa là phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đúng pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 220, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 19, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị Thu T được ly hôn với anh Phan Văn T1.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung cháu Phan Lương Ngọc T2, sinh ngày 22-9-2016 cho chị Lương Thị Thu T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu T2 tròn 18 tuổi.

Anh Phan Văn T1 được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản anh T1 thực hiện quyền này.

Vì quyền lợi của con chung các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tòa án không xem xét, không giải quyết.

4. Về tài sản chung, về nợ chung: Tòa án không xem xét, không giải quyết.

5. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lương Thị Thu T phải chịu 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng tiền tạm ứng án phí mà chị Lương Thị Thu T đã nộp (do anh Phan Thanh H nộp thay) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2021/0006327 ngày 07 tháng 5 năm 2021.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa

được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện Krông Pắc;
- UBND xã E;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, V.P.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Thị Dương Thanh